

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị Hồng M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số G, D, khóm C, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn*:

1. Ông Lâm Văn T1, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số C, N, khóm C, phường B (nay là phường C), thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lâm Thị Hồng T2, sinh năm 1954 (chết ngày 26/12/2024)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Hồng T2:

- Chị Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Huỳnh Ngọc T4, sinh năm 1976

Địa chỉ: F V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Huỳnh Ngọc T5, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số D D, khóm D, phường E, thành phố T.

- Chị Huỳnh Ngọc T6, sinh năm 1981

Địa chỉ: A D, ấp L, phường D, thành phố T.

Người đại diện hợp pháp của chị T3, chị T4, chị T6: Anh Huỳnh Ngọc T5, sinh năm 1978; địa chỉ số D D, khóm D, phường E, thành phố T, theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025.

3. Bà Lam Thi Hong V (Lâm Thị Hồng V1), sinh năm 1965

Địa chỉ: Số E Lanyard Rd M9M A Toronto Ontario C.

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị Hồng V1: bà Lâm Thị Hồng M, sinh năm 1958; địa chỉ Số G, D, khóm C, phường E, Dương Quang Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 10 năm 2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về phần đất thống nhất tách thửa giao cho ông Nguyễn Văn T: Bà Lâm Thị Hồng M, ông Lâm Văn T1 và anh Huỳnh Ngọc T5 (đồng thời là người đại diện cho chị T4, T3, T6) thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn T được trọn quyền quản lý, sử dụng diện tích 226m² (gồm các phần E1, E2, D1, D theo như kết quả đo đạc tại Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 61/VPĐKĐĐ – KTĐC ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T), thuộc một phần thửa số 09 và số 10, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cụ thể các phần như sau:*

* Phần E1: có diện tích 33,1m², có tứ cận như sau:

+ H: Giáp phần còn lại thửa số 10 có các số đo 4.95m và 1.1m;

+ Hướng Tây: Giáp phần còn lại thửa 10 có số đo 5.46m;

+ Hướng Nam: Giáp thửa 11 có số đo 5.43m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại thửa 10 có số đo 8.55m;

* Phần E2: có diện tích 117.1m², có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 447 (ấp V) có các số đo 14.89m;

+ Hướng Tây: Giáp thửa 11 có các số đo 4.9m và 2.0m; phần còn lại thửa 10 có các số đo 1.62m và 1.1m;

+ Hướng Nam: G có số đo 9.40m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại thửa 09 có số đo 13.75m;

* Phần D: có diện tích 56.4m², có tứ cận như sau:

+ H: Giáp phần còn lại thửa số 09 có các số đo 5.58m;

+ Hướng Tây: Giáp thửa 11 có các số đo 3.6m và 2.0m; giáp phần còn lại thửa 10 có số đo 5.3m;

+ Hướng Nam: Giáp phần còn lại thửa 09 có số đo 8.85m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại thửa 09 có số đo 8.76m;

* Phần D1: có diện tích 19,4m², có tứ cận như sau:

+ H: Giáp thửa số 9 có các số đo 2.0m; 3.6m và 5.3m;

+ Hướng Tây: Giáp phần còn lại thửa 10 có số đo 4.95m;

+ Hướng Nam: Giáp thửa 11 có số đo 3.9m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại thửa 10 có các số đo 3.6m và 1.1m;

(Kèm theo sơ đồ khu đất tranh chấp theo Công văn số: 61/VPĐKĐĐ-KTĐC

ngày 21/03/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh T)

2.2. Đối với phần còn lại của thửa số 09 và thửa số 10 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Lâm Văn T1, bà Lâm Thị Hồng T2 (do bà T2 đã chết nên phần bà T2 sẽ do các con của bà T2 là Huỳnh Ngọc T3, Huỳnh Ngọc T4, Huỳnh Ngọc T5, và Huỳnh Ngọc T6 nhận) và bà Lâm Thị Hồng M.

Ông Lâm Văn T1, bà Lâm Thị Hồng M, chị Huỳnh Ngọc T3, chị Huỳnh Ngọc T4, anh Huỳnh Ngọc T5, chị Huỳnh Ngọc T6 và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tách thửa và xin cấp giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

2.3. *Đối với phần hàng rào của gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng:* Hiện nằm trên phần đất của gia đình bà M có chiều dài 21m và chiều cao 1,6m (tức nằm ngoài diện tích đất bà M thống nhất tách công nhận cho ông T) thuộc thửa số 9 và số 10 thì ông T sẽ tự tháo dỡ và di dời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải ngày 17/04/2025. Trường hợp, nếu sau 15 ngày kể từ ngày 17/04/2025, ông T không tự nguyện tháo dỡ di dời bức tường rào thì bà Lâm Thị Hồng M được quyền tháo dỡ, di dời. Ông T và gia đình không được quyền khiếu nại.

2.4. *Đối với cây trồng trên đất:*

+ Đối với cây trồng thuộc phần đất giao cho ông T trên diện tích 226m² (cụ thể là trên các phần E1, E2, D1, D) thì ông T tiếp tục quản lý sử dụng;

+ Đối với cây trồng của ông T nằm ngoài phần đất giao cho ông T (tức trên phần đất của gia đình bà M) thì ông T có trách nhiệm di dời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải ngày 17/04/2025. Trường hợp, nếu sau 15 ngày kể từ ngày 17/04/2025, ông T không di dời thì bà Lâm Thị Hồng M được quyền di dời. Ông T và gia đình không được quyền khiếu nại.

2.5. *Đối với chi phí thẩm định tại chỗ, định giá lấy kết quả đo vẽ và cung cấp thông tin đất đai:* Đã chi tổng cộng số tiền bằng 15.814.196 đồng (trong đó đã chi tại giai đoạn hòa giải thông qua hòa giải viên là 11.454.212 đồng (nguyên đơn đã nộp đủ); chi trong giai đoạn thụ lý và giải quyết vụ án là 4.359.984 đồng (nguyên đơn đã nộp 10.000.000 đồng, đã chi 4.359.984 đồng, còn lại 5.640.016 đồng). Nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng M tự nguyện chịu toàn bộ. Hoàn trả số tiền tạm ứng còn thừa lại cho nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng M bằng 5.640.016 đồng, nhận tại bộ phận Thủ quỹ Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.6. *Đối với án phí án phí dân sự sơ thẩm:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm Thị Hồng M. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Hồng M số tiền tạm ứng phí án phí bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004519 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nộp tại Cục thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THÂM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu